

Số: 3007/2019/CBTT-CMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Mã chứng khoán: CMT

Trụ sở chính: Tòa nhà INFONET, số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3773.0793 - Fax: (024) 3773.0809

Website: <http://www.infonet.com.vn> - E.mail: info@infonet.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thuận.

Loại thông tin công bố: ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

Người thực hiện công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Thuận

- Tài liệu đính kèm: Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm.

Số: 03/2018/BCQT-CMT
No.:

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019.
Ha Noi, day 30 month 07 year 2019.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng đầu năm 2019)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Tòa nhà INFONET, số 33 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: (84-4) 3773.079 - Fax: (84-24) 3773.0809 - Email: info@infonet.com.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 80.000.000.000 (tám mươi tỷ) đồng.
- Mã chứng khoán/ Securities code: CMT

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2019/NQ-ĐHĐCĐ	22/4/2019	- Thông qua báo cáo hoạt động trong năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019 của Hội đồng quản trị; - Thông qua báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2018; - Thông qua báo cáo tình hình tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán; - Thông qua báo cáo chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018; - Thông qua tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018; - Thông qua tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2019; - Thông qua tờ trình về việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019; - Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2019) / Board of Management (Semi-annual/annual reports):**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management:**

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/Day becoming member of the Board of Management	Ngày không còn là thành viên HĐQT/ Day no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absece
1	Ông/Mr. Trần Thanh Hải	Chủ tịch	21/4/2014		6	100%	
2	Ông/Mr. Lê Ngọc Tú	Thành viên	21/4/2014		6	100%	
3	Ông/Mr. Phạm Duy Hùng	Thành viên	21/4/2014		6	100%	
4	Ông/Mr. Phạm Ngọc Sơn	Thành viên	21/4/2014		6	100%	
5	Ông/Mr. Lê Trọng Đại	Thành viên	01/6/2015		6	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervision by the BOD over the Director (General Director): HĐQT họp định kỳ hàng tháng với Ban điều hành công ty để nghe báo cáo tình hình kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Đồng thời, cùng với Ban điều hành giải quyết những công việc của công ty và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' committees: Hội đồng quản trị không có các tiểu ban.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2019)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Số 01/2019/NQ-CMT	08/3/2018	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2019)/ Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):**7. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Supervisory Board:**

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu là thành viên BKS/ Day becoming member of the Supervisory Board	Ngày không còn là thành viên BKS /Day no longer member of the Supervisor Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Bà/Ms. Lê Thị Kiều Dung	Trưởng ban	21/4/2014		6	100%	
2	Ông/Mr. Trần Quốc Hưng	Thành viên	22/04/2019		6	100%	
3	Bà/Ms. Phạm Thương Huyền	Thành viên	24/4/2018		6	100%	
4	Bà Trần Thị Mai Lan	Thành viên	21/4/2014	22/04/2019	3	100%	

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT;
- Xem xét Báo cáo tài chính của công ty;
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin;
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của công ty đã ban hành;
- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any)*: Không có.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:* Không có.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
1	Danh sách về người có liên quan đến ông Trần Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT.							

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
1.1	Nông Thị Minh Anh					21/4/2014		Vợ
1.2	Trần Đức Hiếu							Con trai
1.3	Trần Đức Thuận							Con trai
1.4	Trần Mai Khanh							Con gái
1.5	Trần Mai Khuê							Con gái
1.6	Nguyễn Thị Vinh							Mẹ
1.7	Trần Văn Bột							Cha
1.8	Trần Thị Ánh Nguyệt							Chị
1.9	Trần Thị Minh Hà							Chị
1.10	Trần Quang Minh							Em

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons
2	Danh sách về người có liên quan đến ông Lê Ngọc Tú – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.							
2.1	Tô Thị Hằng					21/4/2014		Vợ
2.1	Lê Gia Huy							Con (SN 2002)
2.3	Lê Ngọc Gia Hân							Con (SN 2011)
2.4	Lê Gia Bảo							Con (SN 2015)
2.5	Lê Trọng Xuân							Cha
2.6	Nguyễn Thị Thật							Mẹ
2.7	Lê Thị Hồng Vân							Chị
3	Danh sách về người có liên quan đến ông Phạm Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.							
3.1						21/4/2014		Vợ
3.2								Con (SN 2008)
3.3								Con (SN 2016)
3.4								Cha
3.5								Mẹ
3.6								Chị

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
6.1	Đỗ Thị Thu Hằng							Vợ
6.2	Nguyễn Đỗ Ngọc Diệp							Con (SN 2001)
6.3	Nguyễn Đỗ Khánh An							Con (SN 2007)
6.4	Nguyễn Đình Liên					01/10/2013		Cha
6.5	Vũ Thị Nguyên							Mẹ
6.6	Nguyễn Thái Hòa							Anh
6.7	Nguyễn Thúy Quỳnh							Em
7	Danh sách về người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Hoa – Kế toán trưởng.							
7.1	Nguyễn Xuân Phương							Chồng
7.2	Nguyễn Gia Hân							Con (SN 2009)
7.3	Nguyễn Hữu Phúc Lâm							Con (SN 2017)
7.4	Nguyễn Huy Sách					01/5/2012		Cha
7.5	Lê Thị Khánh							Mẹ
7.6	Nguyễn Thị Sáng							Chị
7.7	Nguyễn Sinh Cung							Anh

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
10.1	Lê Văn Thiện							Chồng
10.2	Lê Bảo Trân							Con (SN 2008)
10.3	Lê Huyền My							Con (SN 2014)
10.4	Nguyễn Thị Châm							Mẹ
10.5	Phạm Ngọc Trượng							Bố
10.6	Phạm Thị Phương Mai							Chị
10.7	Phạm Thị Kim Phú							Chị
10.8	Phạm Thị Thương Thương							Chị
11	Danh sách về người có liên quan đến bà Trần Thị Mai Lan – Thành viên Ban Kiểm soát.							
11.1	Phạm Tiến Lộc	017C043421						Chồng
11.2	Phạm Anh Khôi							Con (SN 2003)
11.3	Phạm Trung Kiên							Con (SN 2007)
11.4	Trần Văn Bạ							Cha
11.5	Nguyễn Thị Mai							Mẹ
11.6	Trần Quốc Thái							Anh

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of

business registration/equivalent legal documents.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person: Không có.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting): Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO): Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO): Không có.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons:

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Trần Thanh Hải	021C025022	Chủ tịch HĐQT			1.440.000	18,00%	
1.1	Nông Thị Minh Anh							Vợ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.2	Trần Đức Hiếu							Con trai
1.3	Trần Đức Thuận							Con trai
1.4	Trần Mai Khanh							Con gái
1.5	Trần Mai Khuê							Con gái
1.6	Nguyễn Thị Vinh							Mẹ
1.7	Trần Văn Bột							Cha
1.8	Trần Thị Ánh Nguyệt							Chị gái
1.9	Trần Thị Minh Hà							Chị gái
1.10	Trần Quang Minh							Em
2	Lê Ngọc Tú	005C039689	Tổng Giám đốc, ủy viên HĐQT			1.280.000	16,00%	
2.1	Tô Thị Hằng							Vợ
2.1	Lê Gia Huy							Con (SN 2002)
2.3	Lê Ngọc Gia Hân							Con (SN 2011)
2.4	Lê Gia Bảo							Con (SN 2015)
2.5	Lê Trọng Xuân							Cha
2.6	Nguyễn Thị Thật							Mẹ
2.7	Lê Thị Hồng Vân							Chị

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3	Phạm Ngọc Sơn	058C025556	Thành viên HĐQT , Phó Tổng Giám đốc			59.500	0,74%	
3.1	Phạm Linh Chi							Vợ
3.2	Phạm Minh Minh							Con (SN 2008)
3.3	Phạm Minh Ngọc							Con (SN 2016)
3.4	Phạm Ngọc Thụ							Cha
3.5	Nguyễn Ngọc Oánh							Mẹ
3.6	Phạm Minh Thủy							Chị
4	Phạm Duy Hùng		Thành viên HĐQT					
4.1	Lê Thu Hằng							Vợ
4.2	Phạm Duy Vũ							Con (SN 2001)
4.3	Phạm Lê Phương Thảo							Con (SN 2006)
4.4	Phạm Duy Thắng							Cha
4.5	Phạm Thị Nhung							Mẹ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
4.6	Phạm Thị Lệ Quyền							Em
6.7	Phạm Thế Cường							Em
5	Lê Trọng Đại		Thành viên HĐQT			0	0%	
5.1	Trần Thu Hà							Vợ
5.2	Lê Minh Nguyệt							Con (SN 2007)
5.3	Lê Trọng Hiếu							Con (SN 2010)
5.4	Lê Thị Minh Tâm							Em
5.5	Nguyễn Thị Thức							Mẹ
5.6	Lê Thị Ánh							Em
5.7	Lê Thị Phương							Chị
5.8	Lê Thị Hồng							Chị
5.9	Lê Thị Hải Ngọc							Em
6	Nguyễn Đức Thuận	021C222555 058C080986	Phó Tổng giám đốc, cán bộ công bố thông tin			65.000	0,81%	
6.1	Đỗ Thị Thu Hằng							Vợ
6.2	Nguyễn Đỗ Ngọc Diệp							Con

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								(SN 2001)
6.3	Nguyễn Đỗ Khánh An							Con (SN 2007)
6.4	Nguyễn Đình Liên							Cha
6.5	Vũ Thị Nguyên							Mẹ
6.6	Nguyễn Thái Hòa							Anh
6.7	Nguyễn Thúy Quỳnh							Em
7	Nguyễn Thị Hoa		Kế toán trưởng			0	0%	
7.1	Nguyễn Xuân Phương							Chồng
7.2	Nguyễn Gia Hân							Con (SN 2009)
7.3	Nguyễn Hữu Phúc Lâm							Con (SN 2017)
7.4	Nguyễn Huy Sách							Cha
7.5	Lê Thị Khánh							Mẹ
7.6	Nguyễn Thị Sáng							Chị
1.7	Nguyễn Sinh Cung							Anh

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8	Lê Thị Kiều Dung	058C588289	Trưởng Ban kiểm soát			5.630	0,070%	
8.1	Trần Quang Minh							Chồng
8.2	Trần Lê Phương Linh							Con (SN 2003)
8.3	Trần Lê Đức Hòa							Con (SN 2005)
8.4	Lê Thái Tôn							Cha
8.5	Lê Thị Dự							Mẹ
8.6	Lê Thị Hồng							Chị
8.7	Lê Thị Minh Hà							Chị
9	Trần Thị Mai Lan	017C043424	Thành viên Ban kiểm soát			7.500	0,094%	
9.1	Phạm Tiến Lộc	017C043421				2.000	0,025%	Chồng
9.2	Phạm Anh Khôi							Con (SN 2003)
9.3	Phạm Trung Kiên							Con (SN 2007)
9.4	Trần Văn Bạ							Cha

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.5	Nguyễn Thị Mai							Mẹ
9.6	Trần Quốc Thái							Anh
10	Trần Quốc Hưng		Thành viên Ban kiểm soát			0	0%	
10.1	Ngô Thị Nguyệt							Mẹ
10.2	Lê Thị Thu Hằng							Vợ
10.3	Trần Lê Khanh							Con (SN 2006)
10.4	Trần An Khánh							Con (SN 2008)
10.5	Trần Quốc Hiền							Em trai
10.6	Trần Thị Hồng Hương							Em gái
11	Phạm Thương Huyền		Thành viên Ban kiểm soát			0	0%	
11.1	Lê Văn Thiện							Chồng
11.2	Lê Bảo Trân							Con
11.3	Lê Huyền My							Con
11.4	Nguyễn Thị Châm							Mẹ

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.5	Phạm Ngọc Trọng							Bố
11.6	Phạm Thị Thương Thương							Chị
11.7	Phạm Thị Kim Phú							Chị
11.8	Phạm Thị Phương Mai							Chị

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không có.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHAIRMAN OF THE BOD

(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thanh Hải